

Số: 07 /BC-TH&THCSNK

Chà Tỏ, ngày 14 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2025 - 2026

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường PTDTBT TH&THCS Nậm Khăn

2. Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Bản Nậm Khăn, xã Chà Tỏ, tỉnh Điện Biên
- Điện thoại: 0962196596
- Trang thông tin điện tử: <https://thcsnamkhan.nampo.edu.vn/>

3. Loại hình: Công lập

- Tên cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Chà Tỏ, tỉnh Điện Biên

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục:

4.1. Sứ mệnh:

Tạo dựng môi trường giáo dục hợp tác, thân thiện, toàn diện, có chất lượng giáo dục tốt. Ở đây, mỗi học sinh đều có cơ hội bộc lộ, phát triển những điểm mạnh của mình và hoàn thiện bản thân, mỗi giáo viên đều có cơ hội trở thành những giáo viên xuất sắc.

4.2. Tầm nhìn:

Trường PTDTBT TH&THCS Nậm Khăn là một trong những ngôi trường có chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, nơi giáo viên và học sinh luôn năng động, sáng tạo và có khả năng vươn tới thành công.

4.3. Mục tiêu

1)- Đến năm 2030 trình độ đào tạo chuẩn và trên chuẩn của cán bộ quản lý, giáo viên đạt 100%, 100% Cán bộ quản lý, giáo viên ứng dụng và sử dụng thành thạo CNTT vào giảng dạy theo Luật Giáo dục năm 2019.

2)- Huy động 100% số trẻ 6 tuổi vào học lớp 1; 11 tuổi vào lớp 6; 100% số trẻ 6-10 tuổi ra lớp học.

3)- Duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn PCGD TH mức độ 3, PCGD THCS mức độ 3 và XMC mức độ 2;

4)- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học từ 98% trở lên; hàng

năm duy 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học và TN THCS.

5)- Kết quả học tập học sinh: Từ đạt trở lên trên: 95%

Trong đó: Xếp loại HTXS (Tốt): 05%; HTT (Khá): 35%; Chưa HT (Chưa đạt) không quá: 05%;

6)- Kết quả sự hình thành về phẩm chất, năng lực (rèn luyện) học sinh: Loại Tốt, Khá: 85 % trở lên; Cần cố gắng (Chưa đạt) không quá: 5%

7)- Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng: 95% trở lên;

8)- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học, TN THCS đạt: 100%;

10)- Phần đầu có 02 giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh.

11)- Nhà trường: Đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến xuất sắc; Chi bộ và các tổ chức, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh đều đạt trong sạch vững mạnh.

12)- Năm 2028 phần đầu trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

13)- Phần đầu tỷ lệ phòng học, phòng học bộ môn, các công trình phụ trợ, phòng công vụ, phòng nội trú/bán trú được kiên cố hóa đạt 95%.

14)- Cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua “Dân vận khéo”.

15)- Hoàn thành 100% các cuộc kiểm tra, giám sát đề ra; phần đầu trên 90% số đảng viên được kiểm tra hoặc giám sát. Giải quyết 100% đơn, thư tố cáo, khiếu nại về kỷ luật đảng thuộc thẩm quyền; Thực hiện chuyển đổi số toàn diện đáp ứng yêu cầu “giám sát trên dữ liệu, kiểm tra trên dữ liệu”.

16)- 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức đạt chuẩn trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị và được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng theo quy định.

17)- Chỉ tiêu biên chế số lớp dự kiến:

Năm học 2025-2026, tổng số lớp: 17, học sinh 491

Năm học 2026-2027, tổng số lớp: 17, học sinh 477

Năm học 2027-2028, tổng số lớp: 17, học sinh 455

Năm học 2028-2029, tổng số lớp: 17, học sinh 436

Năm học 2029-2030, tổng số lớp: 17, học sinh 431

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Trường THCS Nậm Khăn được chia tách từ trường THCS Chà Tở theo quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 05/6/2007 của UBND huyện Mường Chà. Đến tháng 10 năm 2014 trường được đổi tên thành trường PTDTBT THCS Nậm Khăn theo Quyết định số 1996/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 10 năm 2014 của UBND huyện Nậm Pồ. Đến tháng 02 năm 2023 được đổi tên thành trường PTDTBT TH&THCS Nậm Khăn theo Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày

03/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Nậm Pồ. Ban đầu mới thành lập trường còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất cũng như về đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên. Song tập thể cán bộ giáo viên, công nhân viên và học sinh nhà trường đã nỗ lực vượt lên khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tập thể trường PTDTBT TH&THCS Nậm Khăn liên tục được Chủ tịch UBND huyện Nậm Pồ công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” và tặng Giấy khen năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025. UBND xã Chà Tở công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” năm học 2024-2025. Được chủ tịch tỉnh Điện Biên công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” và tặng bằng khen năm học 2017-2018, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023. Năm học 2018-2019 tập thể được tặng cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh. Năm học 2017-2018, nhà trường được công nhận là Trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1. Hằng năm có trên 90% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và 20% cá nhân được Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen, 15% cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người đại diện liên hệ

- Họ tên: Lò Văn Bốn

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ làm việc: Trường PTDTBT TH&THCS Nậm Khăn, xã Chà Tở, Tỉnh Điện Biên.

- Điện thoại: 0962196596

- Gmail: vanbonnasa@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường:

- Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 05/6/2007 của UBND huyện Mường Chà. Về việc đổi tên, chia tách các trường thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo huyện;

- Quyết định số 1996/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 10 năm 2014 của UBND huyện Nậm Pồ. Về việc chuyển đổi trường THCS Nậm Khăn thành trường PTDTBT THCS Nậm Khăn;

- Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Nậm Pồ về việc thành lập trường PTDTBT TH-THCS Nậm Khăn.

b. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Lò Văn Bốn

+ Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của UBND huyện Nậm Pồ, Quyết định về việc điều động, bổ nhiệm viên chức.

+ Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 của UBND huyện Nậm Pồ, Quyết định về việc điều chuyển vị trí công tác và bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng.

+ Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 của UBND xã Chà Tở, Quyết định về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý;

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng 1: Khoàng Văn Khiêm

+ Quyết định số 1151/QĐ-TC UBND ngày 03/12/2008 của UBND huyện Mường Chà, Quyết định Về việc bổ nhiệm viên chức;

+ Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 của UBND huyện Nậm Pồ, Quyết định Về việc bổ nhiệm lại viên chức;

+ Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 24/02/2020 của UBND huyện Nậm Pồ, Quyết định Về việc bổ nhiệm lại viên chức;

+ Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 của UBND huyện Nậm Pồ, Quyết định Về việc điều chuyển vị trí công tác và bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường PTDTBT Tiểu học - Trung học cơ sở Nậm Khăn;

+ Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 của UBND xã Chà Tở, Quyết định về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý;

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng 2: Lò Văn Hưng

+ Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 31/5/2023 của UBND huyện Nậm Pồ, Quyết định về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý;

+ Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 của UBND xã Chà Tở, Quyết định về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CSGD:

+ Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

+ Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

+ Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

+ Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy

định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

+ Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

+ Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

+ Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

+ Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

+ Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

+ Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

*** Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục**

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 20 đảng viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh có 491 đội viên và nhi đồng

+ Ban đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 4 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ. Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Nậm Pồ về việc thành lập trường PTDTBT TH-THCS Nậm Khăn.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Lò Văn Bốn	Hiệu trưởng	0962196596	vanbonnasa@gmail.com
2	Khoàng Văn Khiêm	Phó hiệu trưởng	0983974730	khiemgv79@gmail.com
3	Lò Văn Hưng	Phó hiệu trưởng	0967203810	hunglv.thcsnamkhan@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển nhà trường.
- Quy chế dân chủ.
- Các nghị quyết của Hội đồng trường.
- Các quy định về quản lý hành chính, tài chính, nhân sự.
- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.
- Kế hoạch, thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục: Không
- Các quy chế khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng CBQL, GV, NV chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo: Tổng số 43 CBQL, GV, NV, trong đó:

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người	Ghi chú
Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý			
1	Hiệu trưởng	01	
2	Hiệu phó	02	
Vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp chuyên ngành			
1	Giáo viên TH hạng II	2	
2	Giáo viên TH hạng III	15	
3	Giáo viên TH hạng IV	0	
4	Giáo viên THCS hạng II	4	
5	Giáo viên THCS hạng III	11	
6	Giáo viên THCS hạng IV	0	
Vị trí việc làm gắn với chức danh công việc hỗ trợ, phục vụ			
1	Vị trí việc làm Thiết bị	1	
2	Vị trí việc làm Thư viện	1	
3	Vị trí việc làm Y tế trường học	1	
4	Vị trí việc làm Kế toán	1	
5	Vị trí việc làm Văn thư	1	
Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ			
1	Nhân viên bảo vệ	1	

100% CBQL, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn.

[illegible]

						9								
1	Nhân viên văn thư	1			1									
2	Nhân viên kế toán	1				1								
3	Thủ quỹ	0												
4	Nhân viên y tế	1					1							
5	Nhân viên thư viện	1				1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1									
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0												
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0												
9	...													

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

Cán bộ QL, giáo viên 100% hoàn thành bồi dưỡng hằng năm

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Nhà trường có 1 điểm trường chính với tổng diện tích là 5450 m²/491 học sinh, trung bình đạt 11.1m²/học sinh đạt tiêu chuẩn theo quy định tiêu trường chuẩn quốc gia mức độ 1. Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định, đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và có hiệu quả.

- CB, GV, NV và học sinh trong trường có ý thức cao trong việc giữ gìn, bảo vệ cảnh quan trường lớp, CSVC đã được đầu tư và tu sửa hàng năm đảm bảo cho công tác dạy và học.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Nhà trường có đủ số phòng học đáp ứng yêu cầu mỗi lớp một phòng riêng. Diện tích phòng học đảm bảo đúng quy định. Các phòng học có đầy đủ bàn ghế, hệ thống ánh sáng, quạt, tủ đựng tài liệu đúng quy cách. Trang thiết bị giáo dục được trang bị khá đầy đủ.

- Khối phòng phục vụ học tập của nhà trường gồm có: phòng Tin học,

phòng Ngoại ngữ, phòng Thư viện, phòng Thiết bị; phòng Truyền thống và hoạt động Đội; các phòng có đầy đủ nội quy và trang thiết bị giáo dục, đều đảm bảo. Phòng Tin học có tổng số 10 máy tính. Các máy đều được kết nối mạng Internet tạo điều kiện cho giáo viên giảng dạy; học sinh học và tham gia ôn luyện các cuộc thi trên mạng, đáp ứng được yêu cầu phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu. Các phòng khác đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục nhà trường.

- Khối phòng phục vụ học tập và khối hành chính - quản trị có đủ theo quy định phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học. Trong các phòng được trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị đáp ứng yêu cầu trong từng lĩnh vực.

- Trường có nhà để xe, thuận tiện, hài hòa với khuôn viên, đáp ứng nhu cầu của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho GV, nhân viên và học sinh.

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Số máy chiếu và ti vi thông minh được dùng để sử dụng trong dạy học cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy và học.

- Ngoài ra nhà trường tiếp tục phát động phong trào giáo viên tham gia làm đồ dùng dạy học và khen thưởng động viên những giáo viên có đồ dùng đạt chất lượng phát huy tối đa việc sử dụng vào giảng dạy. Ban giám hiệu và tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, dự giờ đánh giá việc sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học và rút kinh nghiệm sau mỗi giờ dạy.

- Hằng năm có kế hoạch tu sửa thiết bị, đồ dùng dạy học. Thường xuyên tham mưu, đề xuất với các cấp lãnh đạo, kiến nghị kịp thời, xin cấp bổ sung thiết bị đồ dùng dạy học đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nhà trường có đầy đủ sách báo, tài liệu tham khảo. Nhà trường đã có “tủ sách giáo khoa dùng chung” để phục vụ số học sinh không đủ điều kiện mua sách, đảm bảo cho mỗi học sinh có 01 bộ sách giáo khoa học tập.

- Sách Pháp luật gồm: có 152 đầu sách, 296 quyển, phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến, tra cứu, tìm hiểu các thông tin về chính sách, pháp luật góp phần nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật của CB, GV, NV và học sinh trong nhà trường. Đây là một trong những công cụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hiệu quả và thiết thực.

- Sách bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho giáo viên tìm hiểu, nghiên cứu các phương pháp dạy học tối ưu đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Tài liệu hướng dẫn giáo viên dùng để phục vụ cho công tác nghiên cứu, học tập, đổi mới phương pháp, nâng cao kiến thức giảng dạy đáp ứng nhu cầu dạy và học của nhà trường: 285 quyển.

- Thư viện có hệ thống máy tính được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, GV, NV và học sinh.

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	16	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	16	813,2m ² /444
1	Phòng học kiên cố	8	403,2m ² /246
2	Phòng học bán kiên cố	8	290m ² /198
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ, mượn	0	0
III	Số điểm trường lẻ	0	0
1	Phòng học bán kiên cố	3	120m ² /43
IV	Tổng diện tích đất (m²)	2	5540m ² /487
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1	2080 m ² /487
VI	Tổng diện tích các phòng	18	833,2m ² /487
1	Diện tích phòng học (m ²)	17	813,2m ² /487
2	Diện tích thư viện (m ²)	1	60m ² /487
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	0
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	0	0
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	1	40m ² /390
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	1	40m ² /390
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	1	40m ² /390
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	1	40m ² /390
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	1	25m ² /390
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	7	7/11
1.1	Khối lớp 1	2	2/2
1.2	Khối lớp 2	3	3/3
1.3	Khối lớp 3	1	1/2
1.4	Khối lớp 4	1	1/2
1.5	Khối lớp 5	1	1/2
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	3	3/11
2.1	Khối lớp 1	0	0
2.2	Khối lớp 2	0	0

2.3	Khối lớp 3	1	1/2
2.4	Khối lớp 4	1	1/2
2.5	Khối lớp 5	1	1/2
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	7	7/7
1.1	Khối lớp 6	2	2/2
1.2	Khối lớp 7	2	2/2
1.3	Khối lớp 8	2	2/2
1.4	Khối lớp 9	1	1/1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	2	2/7
2.1	Khối lớp 6	0	
2.2	Khối lớp 7	0	
2.3	Khối lớp 8	1	1/7
2.4	Khối lớp 9	1	1/7
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	10	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	1	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	12	12/17
2	Cát xét	0	0
3	Máy chiếu thông thường	4	4/17
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	2/17
5	Thiết bị khác...		
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	1(70m ²)
XI	Nhà ăn	1 (180m ²)

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
--	----------	--	--------	-------------------------

XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	11 phòng = 690m ²	386	1,8m ² /chỗ
XIII	Khu nội trú	1567m ²	386	4,06m ² /chỗ

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1	1	2	8	12
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục đối với nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.

- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên

* Đánh giá theo từng tiêu chí

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	-
Tiêu chí 1.2		x	x	-
Tiêu chí 1.3		x	x	-
Tiêu chí 1.4		x	x	-
Tiêu chí 1.5		x	x	-

Tiêu chí 1.6		X	X	-
Tiêu chí 1.7		X	X	-
Tiêu chí 1.8		X	X	-
Tiêu chí 1.9		X	X	-
Tiêu chí 1.10		X	X	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	-
Tiêu chí 2.2		X	X	-
Tiêu chí 2.3		X	X	-
Tiêu chí 2.4		X	X	-
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	-	-
Tiêu chí 3.2		-	-	-
Tiêu chí 3.3		X	-	-
Tiêu chí 3.4		X	-	-
Tiêu chí 3.5		X	-	-
Tiêu chí 3.6		X	-	-
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	-	-
Tiêu chí 4.2		X	-	-
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	-	-
Tiêu chí 5.2		X	-	-
Tiêu chí 5.3		X	-	-
Tiêu chí 5.4		X	-	-
Tiêu chí 5.5		X	-	-

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

*Cấp Tiểu học.

Năm học 2025- 2026 nhà trường có tổng số **260** học sinh, số học sinh nữ là 117 em chiếm 45%. Có **10** lớp, bình quân học sinh/lớp đạt 26 học sinh. Học sinh dân tộc thiểu số chiếm 99,2% số học sinh toàn trường. Tỷ lệ học sinh được huy động ra lớp đạt 100%; các em đi học chuyên cần, có ý thức tham gia học

tập, lao động và rèn luyện tốt. Có 260/260 HS được học 2 buổi/ngày đạt 100%.

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	260	45	52	50	55	58
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	260	45	52	50	55	58
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	260	45	52	50	55	58
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	90 (34,6%)	20	7	13	21	29
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	164 (63,08%)	39	32	39	28	26
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	6 (2,3%)		6			
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	260	45	52	50	55	58
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	122(46,9%)	19	23	22	29	29
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	136 (52,3%)	26	29	26	26	29
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0,4%)	0	0	1	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	259 (99,6%)	45	52	49	55	58
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	106(40,8%)	16	20	22	24	24
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1(0,4%)	0	0	1	0	0

+ Số học sinh đạt giải kỳ thi Trạng Nguyên Tiếng Việt.

***Cấp huyện:** Giải Nhất: 1 em; Giải Nhì: 2 em; Giải Ba: 2 em; Giải khuyến khích: 1 em

***Cấp tỉnh:** Giải Nhất: 1 em; Giải Nhì: 2 em; Giải Ba: 1 em.

+ Số học sinh đạt giải kỳ thi Olympia Tiếng Anh IOE:

***Cấp huyện:** Giải Nhì: 2 em; Giải Ba: 2 em; Giải KK: 1 em

- Phong trào hoạt động của đội TNTPHCM Tổ chức nhiều các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm, sinh hoạt câu lạc bộ, tham gia nhiều các cuộc thi: 64 bài viết thư quốc tế UPU được gửi dự thi; Sân chơi ý tưởng trẻ thơ...

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: 86/86 đạt 100%

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài: Không

* Cấp THCS.

Năm học 2024-2025 nhà trường có tổng số **227** học sinh, số học sinh nữ là 111 em chiếm 48,9%. Có **8** lớp, bình quân học sinh/lớp đạt 28,4 học sinh. Học sinh dân tộc thiểu số chiếm 99,6% số học sinh toàn trường. Tỷ lệ học sinh được huy động ra lớp đạt 100%; các em đi học chuyên cần, có ý thức tham gia học tập, lao động và rèn luyện tốt.

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

- Đánh giá kết quả học tập

Khối	Tổng số	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Khối 6	59	3	5,1	9	15,3	43	72,9	4	6,8
Khối 7	73	4	5,5	22	30,1	47	64,4	0	0
Khối 8	46	0	0	10	21,7	31	67,4	5	10,9
Khối 9	49	1	2	15	30,6	29	59,2	4	8,2
Cộng	227	8	3,5	56	24,7	150	66,1	13	5,7

- Đánh giá kết quả rèn luyện:

Khối	Tổng số	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Khối 6	59	42	71,2	17	28,8	0	0	0	0
Khối 7	73	44	60,3	29	39,7	0	0	0	0
Khối 8	46	29	63	14	30,4	3	6,5	0	0
Khối 9	49	44	89,8	5	10,2	0	0	0	0
Cộng	227	159	70	65	28,6	3	1,3	0	0

Giải cuộc thi STTTN cấp tỉnh: 1 giải Ba.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào ngân sách được giao, các nguồn thu tại trường để lập dự toán thu chi. Dự toán được xây dựng đúng quy trình. Nhà trường thực hiện thu chi, quyết toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước: có dự toán, quyết toán tài chính, báo cáo tài chính theo từng năm học và thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ.

Hệ thống sổ sách, chứng từ của trường đầy đủ và hợp lệ. Các khoản thu chi của nhà trường đều thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền. Ngay đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng căn cứ vào nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học và định kì tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo đúng quy định, quy chế chi tiêu nội bộ.

Quyết toán chi ngân sách 6 tháng đầu năm, năm 2025:

*** Kinh phí chi thường xuyên:**

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 3.362.272 đồng;
- Dự toán được giao đầu năm: **11.549.921.000** đồng, trong đó:
- Kinh phí thực nhận trong năm : 11.290.358.272 đồng
- Kinh phí quyết toán: 6.142.978.486 đồng;
- Kinh phí giảm trong năm: 5.410.304.786 đồng
- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng, bao gồm:
- + Kinh phí đã nhận: 0 đồng;
- + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng
- Kinh phí nhận tài trợ, viện trợ xã hội hóa giáo dục năm học 2024 - 2025: 0 đồng
- Kinh phí quyết toán nhận tài trợ , viện trợ xã hội hóa giáo dục năm học 2024 - 2025: 0 đồng;
- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng
- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng.

*** Kinh phí chi không thường xuyên:**

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng;
- Dự toán được giao đầu năm: 1.782.123.000 đồng
- Dự toán giao bổ sung: 478.764.000 đồng.
- Kinh phí được sử dụng trong năm: 2.260.887.000 đồng
- Kinh phí quyết toán: 2.255.793.000 đồng; trong đó:
 - + Tiền hỗ trợ Chi phí học tập: 402.900.000 đồng
 - + Tiền hỗ trợ miễn giảm, Cấp bù học phí: 20.790.000 đồng
 - + Tiền hỗ trợ ăn bán trú: 1.753.128.000 đồng
 - + Tiền hỗ trợ nhân viên nấu ăn: 78.975.000 đồng
- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng
- Kinh phí hủy dự toán: 5.094.000 đồng
- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng, bao gồm:

- + Kinh phí đã nhận: 0 đồng;
- + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

- Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; chủ động các phương án để tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý học sinh, đề phòng các trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại nhà trường, địa phương.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả của các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

- Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ năm học

- Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT; lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học; bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của đơn vị trường đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học.

3. Về các phong trào hoạt động:

- Chi đoàn, Đội và giáo viên các khối phối hợp tổ chức tốt các giờ sinh hoạt tập thể, phát thanh măng non; tuyên truyền sâu về phòng chống bạo lực học đường, phòng chống xâm hại trẻ; tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS.

- Kết nạp được 78 đội viên mới trong năm học.

- HS vẽ tranh chủ đề: “Vẽ tranh của thiếu niên, nhi đồng về Chiến thắng Điện Biên Phủ và hình ảnh Điện Biên Phủ hôm nay”, ...

- Tổ chức SHTT với chủ đề “An toàn giao thông”

- Tham gia vẽ tranh, làm báo chủ đề “Biết ơn thầy cô giáo”.

- HS tích cực tham gia viết thư UPU lần thứ 52, toàn trường chọn gửi 94 bức thư về BTC.

- Khuyến khích học sinh viết về Gương bạn tốt trong lớp, trường.

- Duy trì các hoạt động giáo dục ý thức, kỹ năng sống cho học sinh đặc biệt là kỹ năng phòng chống dịch bệnh.

- Thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện, phong trào ủng hộ.

- Nhà trường tổ chức Trung thu, tặng quà HS HCKK của trường các ngày Lễ, Tết.

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm đảm bảo an toàn, đạt hiệu quả tốt.
- Thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện nội quy của học sinh.

4. Công tác xã hội hóa:

- Phụ huynh luôn phối hợp ủng hộ các chủ trương của nhà trường trong công tác dạy dỗ và chăm sóc học sinh; luôn quan tâm đến đội ngũ CB - GV - NV.
- Phụ huynh các lớp tích cực tham gia lao động xây dựng cơ sở vật chất. Cùng nhà trường, làm nhà vệ sinh khu nội trú, bốc gạo, góp củi để tổ chức nấu ăn cho HS bán trú.

5. Công tác bán trú và chăm sóc sức khỏe học sinh:

- Thực hiện tốt nề nếp bán trú, đảm bảo chế độ ăn hợp lý, phong phú, VSAT thực phẩm; hàng tuần công khai thực đơn và định lượng bữa ăn của HS trên bảng công khai
- Đại diện PHHS các lớp cùng BGH, công đoàn, y tế, thanh tra tham gia giám sát thực phẩm hàng ngày.
- Quan tâm sức khỏe HS; đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, theo dõi dịch bệnh trong HS.

6. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

- 100% CB-GV trong nhà trường thường xuyên trau dồi phẩm chất, đạo đức và học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua các hình thức: Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, tham gia đủ các buổi tập huấn về công tác chuyên môn, đánh giá HS.
- Tạo mọi điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ.
- Chi bộ trường có 30 đảng viên, các đảng viên đều gương mẫu, hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ. 02 đảng viên tham gia học lớp đảng viên mới.

7. Đầu tư cơ sở vật chất:

Năm học 2024-2025 nhà trường đã được đầu tư với kinh phí đồng. Trong đó:

- Làm 01 nhà vệ sinh khu nội trú với kinh phí 40.000.000 đồng
- Láng sân khu nội trú và tu sửa sân trường với kinh phí 30.000.000 đồng
- Được đầu tư mua sắm thiết bị và đồ dùng dạy học trị giá: 555.520.000 đồng.
- Mua sắm đồ dùng bán trú:đồng

8. Công tác quản lý:

- Nhà trường làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra hoạt động sư phạm của giáo viên. Tăng cường trật tự kỷ cương, nề nếp trong trường.
- Thường xuyên kiểm tra, thăm lớp dự giờ, quản lý chặt chẽ chất lượng

giáo dục và việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên, nội quy và quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Quản lý CB-GV-NV chặt chẽ, phân công đúng người rõ việc, công bằng.
- Triển khai tập huấn, hỗ trợ và động viên GV kịp thời cập nhật hệ thống phần mềm CSDL Ngành đảm bảo tiến độ.
- Đảm bảo công khai, công bằng, chính xác việc bình xét thi đua hàng năm trên cơ sở động viên nhằm phát huy năng lực cá nhân và sức mạnh tập thể, cộng đồng trách nhiệm trong mọi công việc.
- Không có cá nhân vi phạm kỷ luật.
- Huy động sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể thông qua các hoạt động; có sơ tổng kết và tuyên dương, nhắc nhở kịp thời để rút kinh nghiệm.
- Đảm bảo chất lượng đại trà và mũi nhọn học sinh; nâng cao trình độ giáo viên, nhân viên.

Trên đây là báo cáo thường niên 6 tháng đầu năm, năm học 2025-2026 của trường PTDTBT TH&THCS Nậm Khăn theo mẫu 01 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (b/c);
- Lưu: VT, HSCV.

HIỆU TRƯỞNG



Lò Văn Bốn